

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng tổng hợp tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập giai đoạn 2012 - 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 979/TTr-SKHĐT ngày 18/7/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập với các nội dung như sau:

1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.



2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập.

3. Dự kiến nội dung và quy mô đầu tư:

3.1 Đường tuần tra phía Nam Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường nhựa)

- Tổng chiều dài: 7.267 m.
- Bề rộng nền đường: 5 m.
- Bề rộng mặt đường: 3,5 m.

3.2 Đường tuần tra phía Đông Nam Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường sỏi đỏ):

- Tổng chiều dài: 12.514 m.
- Bề rộng nền đường: 5 m.
- Bề rộng mặt đường: 3,5 m.

3.3. Đường tuần tra kết hợp du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường đá xây):

- Tổng chiều dài: 2.324 m.
- Mặt đường đá xây M150 rộng 1,2 m.

3.4 Các công trình trên đường:

- Cầu trên đường tuần tra phía Đông Nam Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường sỏi đỏ): bao gồm 02 cầu:

- + Vị trí: Km1+850 và Km8+329.
- + Tải trọng thiết kế: 13T.
- + Chiều rộng mỗi cầu: 4,5 m.
- + Chiều dài cầu tại Km1+850: 20,7 m.
- + Chiều dài cầu tại Km8+329: 27,6 m.

- Cầu treo trên đường tuần tra kết hợp du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đường đá xây):

- + Vị trí: Km1+650.
- + Tải trọng thiết kế: $q=100\text{kg/m}^2$.
- + Chiều rộng cầu: 1,5 m.
- + Chiều dài cầu: 60 m.

- Cống qua đường: gồm 40 vị trí trên đường tuần tra phía Nam và phía Đông Nam; quy mô cống từ 80x80 cm đến 2xD1000.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập.

5. Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: 874.372.770 đồng, trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình: 595.624.787 đồng.
- Chi phí lập dự án đầu tư: 267.631.661 đồng.
- Chi phí thẩm tra dự án đầu tư: 11.116.322 đồng.

Các chi phí chuẩn bị đầu tư nêu trên là tạm tính, khi thanh quyết toán căn cứ vào kết quả thực hiện được nghiệm thu và các quy định hiện hành của nhà nước.

6. Nguồn vốn:

- Chuẩn bị đầu tư: Ngân sách địa phương và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

- Thực hiện đầu tư: Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

7. Thời gian thực hiện:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2012.
- Thực hiện đầu tư: Năm 2013 - 2015.

Điều 2. Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 30.7)_{10K}



Nguyễn Văn Lợi

KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

Công trình xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

Địa điểm XD: Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập

(Kèm theo Quyết định số: 1566 /QĐ-UBND ngày 03 / 8 /2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I- Đường tuần tra phía Nam Vườn Quốc Gia (từ Km0+00÷Km4+480)

TT	Danh mục công việc	ĐVT	Mã số đơn giá	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Khối lượng	Ghi chú
1	Đo thủy chuẩn kỹ thuật, ĐH C3	km	CL.04103			4,480	Xác định cao độ theo tuyến thủy chuẩn kỹ thuật cho các điểm tìm tuyến đường , cho các điểm trạm máy phục vụ đo vẽ.
2	Đo vẽ mặt cắt dọc, ĐH C3	100m	CO.01103			44,80	Chiều dài tuyến
3	Đo vẽ cắt ngang TL200, C3	100m	CO.01203			33,60	Mực 12.8: 40m/cọc; cọc đường cong
	- Cọc địa hình: 50m/cọc, tìm ra 15m gồm: 2.5m mặt sỏi đỏ+2.5m taluy+4m cơ+6m rãnh+1m dịch chuyển					26,88	Lề có rãnh thoát nước rộng 6m (đáy 2m) dọc bên đường- cách chân ta luy 3-5m, cần đo qua rãnh.
	- Cọc cắm cong tại Đỉnh (không cắm tiếp đầu, tiếp cuối)					6,72	1km có 5đỉnh*30m
4	Đo bình đồ tuyến, ĐH C3, TL 1/2000	100ha	CM.04103	4.480	40	0,18	Mực 7.26: Địa hình vùng núi TL1/2000
	(44807m*40m/10.000)=29 ha						Chiều rộng Mực 7.38 là tìm ra 20m

I- Đường tuần tra phía Nam Vườn Quốc Gia (Từ Km4+480÷Km7+267)

TT	Danh mục công việc	ĐVT	Mã số đơn giá	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Khối lượng	Ghi chú
1	Đo thủy chuẩn kỹ thuật, ĐH C5	km	CL.04105			2,787	Xác định cao độ theo tuyến thủy chuẩn kỹ thuật cho các điểm tìm tuyến đường , cho các điểm trạm máy phục vụ đo vẽ.
2	Đo vẽ mặt cắt dọc ĐH, C5	100m	CO.01105			27,87	Chiều dài tuyến
3	Đo vẽ cắt ngang TL200, C5	100m	CO.01205			20,90	Mực 12.8: 40m/cọc; cọc đường cong
	- Cọc địa hình: 50m/cọc, tìm ra 15m gồm: 2.5m nền đường +2.5m taluy+4m cơ+6m rãnh+2m dịch chuyển tìm đường.					16,72	Lề có rãnh thoát nước rộng 6m (đáy 2m) dọc bên đường- cách chân ta luy 3-5m, cần đo qua rãnh.
	- Cọc cắm cong tại Đỉnh (không cắm tiếp đầu, tiếp cuối)					4,18	1km có 5đỉnh*30m

4	Đo bình đồ tuyến, ĐH C5, TL 1/2000	100ha	CM.04105	2.787	40	0,11	Mục 7.26: Địa hình vùng núi TL1/2000
	(2787m*40m/10.000)=50ha						Chiều rộng Mục 7.38 là tìm ra 20m

II- Đường tuần tra phía Đông Nam Vườn Quốc gia (Sỏi đỏ rộng 3.5m)

TT	Danh mục công việc	ĐVT	Mã số đơn giá	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Khối lượng	Ghi chú
1	Đo thủy chuẩn kỹ thuật, ĐH C5	km	CL.04105			12,51	xác định cao độ theo tuyến thủy chuẩn kỹ thuật cho các điểm tìm tuyến đường , cho các điểm trạm máy phục vụ đo vẽ.
2	Đo vẽ mặt cắt dọc ĐH, C5	100m	CO.01105			125,1	Chiều dài tuyến
3	Đo vẽ cắt ngang TL200, C5	100m	CO.01205			112,63	Mục 12.8: 50m/cọc; cọc đường cong 3 cọc* 4 cong/km
	- Cọc địa hình: 50m/cọc, tìm ra 8.5m gồm: 2.5m nền đường+3.0m taluy+3m rãnh và dịch chuyển tìm					75,08	Do độ dốc lớn nên chiều cao đào đắp lớn và phải có rãnh thoát nước tại nền đào
	- Cọc cắm cong tại Đỉnh (không cắm tiếp đầu, tiếp cuối)					37,54	1km có 10đỉnh*30m
4	Đo bình đồ tuyến, ĐH C5, TL 1/2000	100ha	CM.04105	12.514	40	0,50	Mục 7.26: Địa hình vùng núi TL1/2000
	(12514m*40m/10.000)=50ha						Chiều rộng Mục 7.38 là tìm ra 20m

III- Đường tuần tra kết hợp du lịch sinh thái (đường đá xây)

TT	Danh mục công việc	ĐVT	Mã số đơn giá	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Khối lượng	Ghi chú
1	Đo thủy chuẩn kỹ thuật, ĐH C5	km	CL.04105			2,324	xác định cao độ theo tuyến thủy chuẩn kỹ thuật cho các điểm tìm tuyến đường , cho các điểm trạm máy phục vụ đo vẽ.
2	Đo vẽ mặt cắt dọc ĐH C5	100m	CO.01105			23,2	Chiều dài tuyến
3	Đo vẽ cắt ngang TL200, C5	100m	CO.01205			2,32	Mục 12.8: 50m/cọc
	- Cọc địa hình: 100m/cọc, tìm ra 5m					2,32	